

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 54/2024/DS-ST

Ngày 24/9/2024

V/v “*Tranh chấp HĐ vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Đức

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Lan; Ông Phan Xuân Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhị - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Thuỷ - Kiểm sát viên.

Ngày 24/9/2024, tại Toà án nhân dân huyện Krông Pắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 206/2024/TLST-DS ngày 03 tháng 7 năm 2024, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2024/QĐXXST-DS ngày 22/8/2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 61/2024/QĐST-DS ngày 12/9/2024, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Phan Thị H, sinh năm 1951

Địa chỉ: Thôn 6, xã K, huyện P, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Phạm Duy C, sinh năm 1991 - *Có đơn xin xét xử vắng mặt*

Thường trú tại: Thôn 1, xã K, huyện P, tỉnh Đắk Lắk; Địa chỉ liên hệ: 168 đường G, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

*** Bị đơn:** Ông Phan Quỳnh Ch, sinh năm 1976 - *Có đơn xin xét xử vắng mặt*

Địa chỉ: Thôn 14, xã B, huyện P, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ý kiến của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

*** Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn - Bà Phan Thị H là ông Phạm Duy C trình bày:**

Do có mối quan hệ quen biết nên bà Hòa có cho ông Phan Quỳnh Ch vay tổng số tiền 135.000.000 đồng, lãi các bên thỏa thuận bằng miệng 10%/năm tức 0.83%/tháng, hạn 01 tháng đến ngày 23/11/2021 trả đủ cho bà Hòa; cụ thể từng đợt vay như sau:

Đợt 1: Ngày 14/10/2021 bà Hòa có cho ông Phan Quỳnh Ch vay 30.000.000 đồng.

Đợt 2: Ngày 15/10/2021 bà Hòa có cho ông Phan Quỳnh Ch vay 5.000.000 đồng.

Đợt 3: Ngày 23/10/2021 bà Hòa có cho ông Phan Quỳnh Ch vay 100.000.000 đồng.

Ông Phan Quỳnh Ch có thể chấp 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 170803 và số CP170804, cùng do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 15/11/2018 và đều mang tên ông Phan Quỳnh Ch (*viết tắt là GCNQSD đất số CP 170803 và số CP170804*). Việc vay mượn tiền của ông Phan Quỳnh Ch thể hiện rõ trong giấy vay tiền do chính ông Phan Quỳnh Ch viết và ký xác nhận.

Đến ngày 01/10/2022, ông Phan Quỳnh Ch mới trả cho bà Hòa số tiền 78.000.000 đồng tiền gốc và còn nợ lại số tiền 57.000.000 đồng tiền gốc.

Về tiền lãi phát sinh được tạm tính từ ngày 01/10/2022 đến ngày 01/6/2024 là 20 tháng, lãi suất 0,83%/tháng: $57.000.000 \text{đ} \times 0,83\% / \text{tháng} \times 20 \text{ tháng} = 9.462.000 \text{đ}$.

Mặc dù bà Hòa đã nhiều lần liên hệ ông Phan Quỳnh Ch thanh toán cho bà Hòa số tiền trên nhưng ông Ch vẫn chây ỳ, trốn tránh không chịu hợp tác.

Nhận thấy việc làm của ông Phan Quỳnh Ch là vi phạm nghĩa vụ trả nợ, xâm phạm trực tiếp đến quyền lợi ích hợp pháp của bà Hòa. Chính vì vậy để đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp của bà Hòa, bà Hòa làm đơn khởi kiện và yêu cầu ông Phan Quỳnh Ch có trách nhiệm trả cho bà Hòa tổng số tiền 66.462.000 đồng (*trong đó tiền gốc 57.000.000đ, tiền lãi phát sinh là 9.462.000đ*) và tiền lãi phát sinh cho đến khi xét xử sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đối với 02 GCNQSD đất số CP 170803 và số CP170804 để làm tin nên sau khi ông Ch trả hết nợ thì bà H trả lại cho ông Ch.

*** Bị đơn - ông Phan Quỳnh Ch trình bày:**

Ngày 23/10/2021 tôi (Phan Quỳnh Ch) có vay và ký vào giấy xác nhận vay của bà Phan Thị H số tiền 100.000.000 đồng. Hạn trả vào 23/11/2021. Quá trình vay đến tháng 10/2022 tôi đã trả 78.000.000 đồng nên bà H đã ghi vào giấy vay (bản phô tô mà nguyên đơn nộp khi khởi kiện); Do đó tôi xác định món nợ này chỉ còn nợ 22.000.000 đồng gốc.

Về lãi: Trong giấy không ghi lãi vay nhưng có thỏa thuận lãi suất là 25%/tháng và tôi có trả lãi đầy đủ cho bà H.

Nay bà Hòa khởi kiện thì tôi xác định chỉ còn nợ 22.000.000 đồng gốc; Về lãi suất không ghi trong giấy nên tôi không đồng ý trả lãi.

Đối với số tiền bà H kiện tôi ghi ngày 14/10/2021 (*ghi tôi vay lại số tiền 30.000.000 đồng*) và ghi ngày 15/10/2021 (*ghi tôi vay số tiền 5.000.000 đồng*) thì tôi (Phan Quỳnh Ch) có vay và ký vào giấy xác nhận vay của bà Hòa số tiền 30.000.000 đồng và số tiền 5.000.000 đồng. Nhưng tôi nhớ đã trả xong khoản này. Về lãi suất không ghi nên tôi không đồng ý trả lãi.

Về tài sản thế chấp làm tin gồm GCNQSD đất số CP 170803 và số CP170804 thì để làm tin nên sau khi tôi trả hết nợ yêu cầu bà H trả lại cho tôi.

Ngoài ra ngày 14/01/2023 tôi đã chuyển khoản cho anh Nguyễn Giang N (là con trai ruột của bà Phan Thị H) số tiền 70.000.000 đồng; Và vào ngày 17/3/2023 tôi chuyển tiếp cho anh Nguyễn Giang N (là con trai ruột của bà Phan Thị H) với số tiền 8.000.000 đồng. Tổng cộng là 78.000.000 đồng thì không liên quan đến khoản vay 100.000.000 đồng tôi vay bà H.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc phát biểu ý kiến như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật: Đây là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án; Áp dụng Điều 357, Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Đề nghị HĐXX: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Buộc ông Phan Quỳnh Ch phải trả cho bà Phan Thị H số nợ gốc 57.000.000 đồng và lãi phát sinh đến ngày xét xử sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả thẩm tra công khai các tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ hồ sơ vụ án, nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn và việc xác nhận của phía bị đơn thì quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”; Bị đơn có nơi cư trú tại huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk. Do đó vụ án thuộc

thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2]. Về thời hiệu khởi kiện: Các bên thỏa thuận và viết giấy vay tiền các lần ghi ngày 14, 15 và 23/10/2021, trong đó có ghi thời trả nợ gốc. Quá thời hạn trả nợ gốc nhưng bị đơn không trả hết nợ nên ngày 12/6/2024, bà Phan Thị H nộp đơn khởi kiện tại Tòa án. Căn cứ các điều 149, 150, 154 BLDS năm 2015; Điều 184 BLTTDS thì nguyên đơn khởi kiện nằm trong thời hiệu, HĐXX cần xem xét, giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3]. Về thủ tục tố tụng: Quá trình đưa vụ án ra xét xử, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn - bà H là ông C; Bị đơn - ông Ch đều có đơn xin xét xử vắng mặt; Do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 BLTTDS, HĐXX tiếp tục giải quyết, xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[4]. Về nội dung: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án, cùng lời trình bày các bên, HĐXX xét thấy:

[4.1]. Về yêu cầu trả nợ gốc: Tại các giấy vay thể hiện ông Phan Quỳnh Ch có vay của bà Phan Thị H các lần như sau:

Ngày 14/10/2021 vay 30.000.000 đồng.

Ngày 15/10/2021 vay 5.000.000 đồng.

Ngày 23/10/2021 vay 100.000.000 đồng.

Tổng cộng, ông Phan Quỳnh Ch có vay của bà Phan Thị H số tiền gốc 135.000.000 đồng.

Theo phía nguyên đơn xác nhận thì tính đến ngày 01/10/2022, ông Phan Quỳnh Ch đã trả cho bà Hòa số tiền 78.000.000 đồng tiền nợ gốc và còn nợ lại số tiền 57.000.000 đồng nợ gốc.

Quá trình giải quyết vụ án, phía bị đơn cũng đã xác nhận có ký giấy và vay các lần tiền nói trên và vào tháng 10/2022, bị đơn cũng đã trả 78.000.000 đồng tiền gốc cho nguyên đơn (như nguyên đơn xác nhận).

HĐXX xét thấy việc nguyên đơn - bà Phan Thị H khởi kiện yêu cầu bị đơn - ông Phan Quỳnh Ch trả số tiền vay gốc còn lại là **57.000.000** đồng là phù hợp và có căn cứ nên HĐXX thấy cần chấp nhận.

[4.2]. Về lãi suất:

Trong các giấy vay ghi ngày 14, 15 và 23/10/2021, các bên không ghi lãi suất vay nhưng quá trình giải quyết vụ án, bị đơn xác nhận vay có lãi và đã trả tiền lãi (nhưng không cung cấp tài liệu chứng cứ về việc trả lãi); Tuy nhiên, bị đơn lại không đồng ý tiếp tục trả lãi suất như nguyên đơn khởi kiện, với lý do: Giấy vay không ghi lãi.

Về phía nguyên đơn tự nguyện chỉ yêu cầu bị đơn trả tiền lãi chậm trả (mức lãi suất 10%/năm) trên số nợ gốc còn lại là 57.000.000 đồng, tính từ ngày trả nợ gốc cuối cùng (ngày 01/10/2022) đến ngày xét xử sơ thẩm.

HĐXX căn cứ vào giấy vay tiền giữa các bên, ý kiến của các bên, xét thấy nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi suất là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của BLDS năm 2015 nên cần chấp nhận. Cụ thể tiền lãi được tính như sau:

Lãi suất chậm trả (mức lãi suất 10%/năm) trên số nợ gốc còn lại 57.000.000 đồng, tính từ ngày trả nợ gốc cuối cùng (ngày 01/10/2022) đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 24/9/2024) là: **11.458.000** đồng (đã làm tròn);

Từ những nhận định trên, HĐXX thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện đã thay đổi bổ sung của nguyên đơn - bà H; Buộc bị đơn - ông Phan Quỳnh Ch phải trả cho bà H số nợ đến ngày 12/9/2024 là: **68.458.000** đồng (trong đó: Nợ gốc 57.000.000 đồng; Nợ lãi 11.458.000 đồng, tính từ ngày 01/10/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm, ngày 24/9/2024) và lãi suất trong quá trình thi hành án.

[4.3]. Đối với tài sản, giấy tờ liên quan: Quá trình thực hiện vay mượn giữa các bên, ông Ch có giao cho bà H 02 GCNQSD đất số CP 170803 và số CP170804. HĐXX xét thấy: Việc giao 02 GCNQSD đất này chỉ là để làm tin, các bên không ký hợp đồng thế chấp, không đăng ký giao dịch bảo đảm. Do đó cần buộc bà H có nghĩa vụ giao trả lại cho ông Ch: 02 GCNQSD đất số CP 170803 và số CP170804.

[5]. Đối với ý kiến của phía bị đơn:

- Phía bị đơn - anh Ch cho rằng: Đối với số tiền bà H kiện tôi ghi ngày 14/10/2021 (ghi tôi vay lại số tiền 30.000.000 đồng) và ghi ngày 15/10/2021 (ghi tôi vay số tiền 5.000.000 đồng) thì tôi (Phan Quỳnh Ch) có vay và ký vào giấy xác nhận vay của bà Hòa số tiền 30.000.000 đồng và số tiền 5.000.000 đồng. Nhưng tôi nhớ đã trả xong khoản này. Tuy nhiên bị đơn không cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh đã trả nợ gốc số tiền tổng cộng 35.000.000 đồng; Phía nguyên đơn cũng chỉ tự nguyện xác nhận bị đơn trả nợ gốc 78.000.000 đồng vào ngày 01/10/2022. Do đó ý kiến của bị đơn không có căn cứ để HĐXX xem xét, giải quyết.

- Phía bị đơn - anh Ch cho rằng: Ngày 14/01/2023 tôi đã chuyển khoản cho ông Nguyễn Giang N (là con trai ruột của bà Phan Thị H) số tiền 70.000.000 đồng; Và vào ngày 17/3/2023 tôi chuyển tiếp cho anh Nguyễn Giang N (là con trai ruột của bà Phan Thị H) với số tiền 8.000.000 đồng. Tổng cộng là 78.000.000 đồng thì không liên quan đến khoản vay 100.000.000 đồng tôi vay bà H. Đồng thời phía nguyên đơn cũng không yêu cầu làm rõ nội dung này. Do đó HĐXX không đề cập xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí:

Nguyên đơn được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên không phải nộp án phí; Đồng thời bà H là người cao tuổi, có đơn xin miễn nộp tạm ứng án phí được Toà án chấp nhận;

Bị đơn - ông Phan Quỳnh Ch phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả là 68.458.000 đồng, mức án phí cụ thể: $68.458.000đ \times 5\% = 3.422.000$ đồng (đã làm tròn).

[7]. Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa là có căn cứ và đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 357, Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - bà Phan Thị H;

Buộc bị đơn - ông Phan Quỳnh Ch phải trả cho bà Phan Thị H số nợ đến ngày 24/9/2024 là **68.458.000** đồng (trong đó: Nợ gốc 57.000.000 đồng; Nợ lãi 11.458.000 đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

2. Bà Phan Thị H có nghĩa vụ trả lại cho ông Phan Quỳnh Ch:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số: CP170803 cấp ngày 15/11/2018, do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp, mang tên ông Phan Quỳnh Ch (đối với thửa đất số: 276 + 657 (40a cũ), tờ bản đồ số: 26, địa chỉ thửa đất tại: Xã Krông Búk, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk);

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số: CP170804 cấp ngày 15/11/2018, do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp, mang tên ông Phan Quỳnh Ch (đối với thửa đất số: 386 (105c cũ), tờ bản đồ số: 10, địa chỉ thửa đất tại: Xã Krông Búk, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk).

3. Về án phí:

- Nguyên đơn - bà Phan Thị H được miễn tiền tạm ứng án phí và không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm;

- Bị đơn - ông Phan Quỳnh Ch phải nộp 3.422.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

* *Về quyền kháng cáo:* Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.”

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND H. Krông Pắc;
- Chi cục THADS H. Krông Pắc;
- Các đương sự;
- Lưu: HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký, đóng dấu)

Vũ Văn Đức